TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-PT
Ngày: 09/3/2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 238/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2022/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đặng Vĩnh P**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Trần Vĩnh T1**, sinh năm 1987 (có mặt).

2/ Bà **Nguyễn Thảo V**, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thảo V có: Ông Trần Vĩnh T1, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: khóm X, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1980. Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã A, huyện M, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: khóm A, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1977. Hộ khẩu thường trú: ấp Q, xã N, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: khóm A, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Đặng Vĩnh P là nguyên đơn; anh Trần Vĩnh T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Vĩnh P trình bày:*

Ngày 28/7/2020, ông P và bà Nguyễn Ngọc Đan T4, Nguyễn Ngọc Phương T5 ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 143, tờ bản đồ 18, diện tích 325,5m^2, địa chỉ: khóm A, phường N, thành phố L. Ngày 20/8/2020, ông P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 254012, thửa đất 143. Giáp ranh thửa 143 là thửa đất 342, tờ bản đồ 18, diện tích 522,2m^2 do ông Trần Vĩnh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có gắn nhà cấp 4 đã xây dựng qua thửa đất 143 diện tích 59,3m^2 (chiết thửa 143-2 = 56,4m^2 + chiết thửa 143-3 = 2,9m^2) theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long.

Ông P yêu cầu ông T1, bà V tháo dỡ, di dời toàn bộ hiện trạng nhà để trả ông P quyền sử dụng đất diện tích 59,3m^2 thuộc chiết thửa 143-2, 143-3. Ông P không đồng ý bồi hoàn giá trị nhà và không hỗ trợ chi phí di dời đối với bị đơn.

** Tại Tờ tường trình đề ngày 26/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Vĩnh T1, bà Nguyễn Thảo V trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 342 do cụ ông Phạm Hữu Đ tặng cho bà Lê Thị Hồng L (mẹ bà V) vào ngày 19/12/2009. Các ngày 28/8/2014, 20/11/2014, bà L ký hợp đồng tặng cho ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Trên thửa đất 342 tồn tại 01 căn nhà tường cấp 4 số 260C, kết cấu vách tường, cột bê tông cốt thép, mái tole, nền xi măng do bà L xây dựng từ năm 2006 và bà L đã tặng cho ông T1, bà V quyền sử dụng đất cùng nhà ở gắn liền trên đất. Ngày 01/8/2014, ông T1 cho ông Nguyễn Văn T2 thuê nhà phía trước diện tích 80m^2 để ông T2 làm nhà kho lắp ráp, chứa đồ gỗ như tủ, bàn, ghế với giá cho thuê 1.400.000 đồng/tháng. Ngày 29/8/2015, ông Trần Vĩnh T1 cho ông Nguyễn Văn T3 thuê phần phía sau của nhà 260C với giá cho thuê 1.500.000 đồng/tháng để kinh doanh bánh kẹo. Hiện nay, ông Nguyễn Văn T2, ông

Nguyễn Văn T3 vẫn còn đang thuê nhà như nêu trên.

Ông T1 cho rằng nhà trên phần đất tranh chấp thuộc chiết thửa 143-2, 143-3 diện tích 59,3m^2 được xây dựng từ năm 2006, chủ đất trước là bà Nguyễn Ngọc Đan T4, Nguyễn Ngọc Phương T5 không tranh chấp. Ông P khi mua đất đã đến xem hiện trạng thửa đất 143 biết có nhà của ông T1 giáp ranh và chấp nhận mua. Như vậy, hiện trạng đất tại thửa 143 được ông P xem xét thực địa, đồng ý mua nay lại tranh chấp đất với ông T1 là không phù hợp.

Ông T1, bà V sử dụng nhà, đất tại chiết thửa 143-2, 143-3 được cha, mẹ tặng cho lại, không xây dựng thêm, sử dụng ổn định, công khai, đúng pháp luật. Vì vậy, bị đơn hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày 11/3/2021, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T3 trình bày:*

Ông T2, ông Nguyễn Văn T3 có thỏa thuận thuê phần nhà trước, phần nhà sau của nhà số 260C như ông Trần Vĩnh T1 đã trình bày. Hợp đồng thuê nhà giữa ông T2, ông Nguyễn Văn T3 với ông Trần Vĩnh T1 đang thực hiện, không phát sinh tranh chấp hợp đồng thuê. Trong vụ án này, ông T2 và ông Nguyễn Văn T3 không ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông T2, ông Nguyễn Văn T3 suốt quá trình tiến hành tố tụng và xét xử vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 186, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 100, 166, 170, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 5, 6 của Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC, ngày 28/3/2014; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vĩnh P.

Buộc ông Trần Vĩnh T1, bà Nguyễn Thảo V trả ông Đặng Vĩnh P bằng giá trị đối với quyền sử dụng đất diện tích 59,3m^2 thuộc các chiết thửa 143-2, 143-3 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long bằng số tiền 602.547.300 đồng (sáu trăm lẻ hai triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm đồng).

Công nhận ông Trần Vĩnh T1, bà Nguyễn Thảo V được quyền sử dụng đất diện tích 59,3m^2 thuộc các chiết thửa 143-2, 143-3 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long.

Đính kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật quy định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí sơ thẩm, về chi phí tố tụng và về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2022, ông Đặng Vĩnh P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết buộc ông Trần Vĩnh T1, chị Nguyễn Thảo V trả cho ông P quyền sử dụng đất diện tích 63,9m^2 thuộc các chiết thửa 143-2, 143-3, tọa lạc tại khóm A, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 20/9/2022 ông Trần Vĩnh T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bổ sung vợ của ông P tham gia tố tụng để xét xử lại từ đầu; Đo hiện trạng diện tích đất thực tế mà nguyên đơn đang quản lý sử dụng có ranh giới là 04 bức tường kiên cố bao quanh xem đủ hay thiếu so với giấy đất thửa số 143 rồi mới xem xét bị đơn có lấn chiếm hay không. Nếu Tòa không thừa nhận tường rào bê tông kiên cố đã xây dựng giữa thửa đất 143 và 144 là ranh giới thì đề nghị xác định hàng thừa kế đại diện theo pháp luật của chủ đất thửa 144 để xác định ranh giới; Yêu cầu Tòa án căn cứ vào giá đất của Hội đồng định giá theo tố tụng và giá đất thị trường do Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành theo quyết định 1419 ngày 10/6/2021 áp dụng bồi thường đường vào khu du lịch Trường An để làm căn cứ áp dụng về giá trong xét xử vụ án liên quan bồi thường và tính án phí, chi phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Đặng Vĩnh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Trần Vĩnh T1 không đồng ý với kháng cáo của ông Đặng Vĩnh P.

Ông Trần Vĩnh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Đặng Vĩnh P không đồng ý với kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1.

Ông Đặng Vĩnh P và ông Trần Vĩnh T1 thống nhất với kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tại cấp phúc thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đặng Vĩnh P là có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1 là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Vĩnh P, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1, sửa bản án sơ thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên ông Đặng Vĩnh P và ông Trần Vĩnh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 07/9/2022. Ngày 20/9/2022 và ngày 22/9/2022 ông Trần Vĩnh T1 và ông Đặng Vĩnh P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1 và ông Đặng Vĩnh P còn trong hạn luật định, ông T1 và ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ, đúng quy định, nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Đặng Vĩnh P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Đặng Vĩnh P có thửa đất số 143, tờ bản đồ số 18, diện tích 325,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm A, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc thửa đất 143 có được là ông P nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Ngọc Đan T4 và Nguyễn Ngọc Phương T5. Ông Đặng Vĩnh P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/2020. Liền kề với đất của ông P là đất của ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V thuộc thửa số 342, diện tích 522,2m^2. Nguồn gốc thửa đất có được là do bà Lê Thị Hồng L tặng cho ông Trần Vĩnh T1 vào ngày 28/8/2014 và ngày 20/11/2014.

Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 143 ông P kiểm tra phần đất của ông thì ông phát hiện ra trên thửa đất 143 có phần nhà của ông T1. Ông P có thương lượng với ông T1 nhiều lần nhưng ông T1 vẫn không chịu di dời nhà ra khỏi đất của ông P. Ông T1 thì cho rằng nhà và đất của ông được bà Lê Thị Hồng Loan tặng cho vào năm 2014 và ông đã sử dụng ổn định lâu dài. Mặc khác khi chuyển nhượng đất của bà T4 ông P đã biết có nhà của ông trên đất của bà T4 chuyển nhượng cho ông P, nhưng ông P vẫn nhận chuyển nhượng. Vì vậy ông T1 và bà V không đồng ý di dời nhà trả đất cho ông P.

Tại kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long thì phần đất tranh chấp giữa ông Đặng Vĩnh P với ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V có diện tích 53,0m^2, trong đó có 52,2m^2 là nhà tường do ông T1 đang quản lý sử dụng. Từ đó cho thấy trên đất tranh chấp có căn nhà cấp 4 của ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V và cũng tại kết quả đo đạc này cũng đã kết luận phần đất có diện tích 53,0m^2 thuộc

tách 143-1 do ông Đặng Vĩnh P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó có căn cứ xác định ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V đã sử dụng của ông Đặng Vĩnh P phần đất có diện tích 53,0m^2. Việc sử dụng 53,0m^2 đất này của ông T1 và bà V là không phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trên phần đất tranh chấp 53,0m^2 có 52,2m^2 nhà tường cấp 4 do ông T1 và bà V quản lý sử dụng. Tại biên bản định giá ngày 08/12/2022 của Hội đồng định giá thì: Nhà chính, giáp với trục giao thông vào khu du lịch Trường An xây dựng năm 2006, có kết cấu: Nhà trệt liền kề, móng khung cột BTCT, tường xây gạch, mái tole không trần, nền láng xi măng, diện tích 72m^2, giá trị sử dụng còn lại 80.164.252đ; Nhà kho, phía sau nhà chính xây dựng năm 2006, có kết cấu: Nhà trệt liền kề, móng khung cột BTCT, tường xây gạch, mái tole không trần, nền láng xi măng, diện tích 13,515m^2, giá trị sử dụng còn lại 15.047.498đ. Tổng giá trị còn lại của nhà chính và nhà kho là 95.181.450đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Vĩnh P tự nguyện bồi hoàn giá trị sử dụng còn lại của nhà chính và nhà kho nêu trên cho ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V giá trị 100.000.000đ, để ông T1 và bà V tháo dở di dời phần nhà gắn liền trên phần đất 53,0m^2 đi nơi khác để trả đất cho ông P. Xét sự tự nguyện này của ông P là hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo quy định của pháp luật, giá trị bồi hoàn cao hơn giá mà Hội đồng định giá đã định giá, nên có lợi cho ông T1 và bà V. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Vĩnh P bồi hoàn giá trị sử dụng của hai căn nhà trên phần đất tranh chấp cho ông T1 và bà V số tiền là 100.000.000đ. Buộc ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V tháo dở di dời phần nhà tường nằm trên đất của ông Đặng Vĩnh P đi nơi khác để trả lại cho ông Đặng Vĩnh P 53,0m^2 đất thuộc tách thửa 143-1 theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Vĩnh T1 cho rằng thửa đất 143 là tài sản chung của vợ chồng ông Đặng Vĩnh P, nên yêu cầu đưa vợ ông P vào tham gia tố tụng để giải quyết vụ án lại từ đầu. Vấn đề này tại cấp phúc thẩm bà Trần Thị Anh Đào là vợ ông P có nộp bản tường trình nêu rõ thửa đất 143 là sở hữu riêng của ông P nên bà không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 trình bày đã có ý kiến của vợ ông P là tài sản riêng của ông P, nên ông T1 không yêu cầu đưa vợ ông P là bà Đào vào tham gia tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1 cho rằng ông đã sử dụng ổn định lâu dài phần đất tranh chấp, nên ông không đồng ý di dời phần nhà gắn liền trên phần đất tranh chấp, ông T1 yêu cầu được sử dụng phần đất tranh chấp, ông và bà V không đồng ý trả giá trị đất cho ông P do ông sử dụng đất lâu dài và ngay tình. Xét thấy yêu cầu này của ông T1 không phù hợp theo quy định của pháp luật, vì phần nhà ông T1 và bà V được tặng cho nhưng có một phần nhà

xây dựng trên phần đất của ông P là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Vĩnh P, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1. Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V tháo dở, di dời phần nhà tường trên phần đất tranh chấp 53,0m^2 thuộc tách thửa 143-1, tọa lạc tại khóm A, phường N, thành phố L đi nơi khác trả ông Đặng Vĩnh P 53,0m^2 đất thuộc tách thửa 143-1, theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Vĩnh P hoàn trả giá trị nhà chính và nhà kho cho ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V số tiền 100.000.000đ. Do sửa án sơ thẩm, nên phần án phí sơ thẩm cũng xem xét lại cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.3] Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[2.4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Trần Vĩnh T1 và ông Đặng Vĩnh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về chi phí tố tụng khác:

- Ông Đặng Vĩnh P phải nộp 17.000.000đ chi phí Chứng thư thẩm định giá và ông P đã nộp xong.

- Ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V phải nộp 10.525.000đ chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chổ. Ông Trần Vĩnh T1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí là 7.000.000đ, số tiền này trừ vào chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chổ là 6.525.000đ, còn lại 475.000đ đã hoàn trả ông Trần Vĩnh T1. Do đó ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V phải nộp tiếp 4.000.000đ để hoàn trả ông Đặng Vĩnh P do ông P đã nộp tạm ứng trước.

[2.6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Vĩnh P.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Vĩnh T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 100, 166, 170, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 148, 157, 161, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vĩnh P.

Buộc ông Trần Vĩnh T1, bà Nguyễn Thảo V có nghĩa vụ tháo dở, di dời phần nhà tường trên phần đất có diện tích 53,0m^2 đi nơi khác trả ông Đặng Vĩnh P phần đất diện tích 53,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm thuộc tách thửa 143-1 theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Vĩnh P hoàn trả giá trị nhà cho ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V số tiền bằng 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Đính kèm Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 02/02/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Vĩnh T1, bà Nguyễn Thảo V nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Đặng Vĩnh P số tiền tạm ứng án phí 405.000đ (bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005880 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Đặng Vĩnh P và ông Trần Vĩnh T1 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số 0001505 ngày 23/9/2022 và biên lai thu số 0001538 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

4. Về chi phí tố tụng khác:

4.1. Ông Đặng Vĩnh P phải nộp 17.000.000đ chi phí Chứng thư thẩm định giá và ông P đã nộp xong.

4.2. Ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V phải nộp 10.525.000đ chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chổ. Ông Trần Vĩnh T1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí là 7.000.000đ, số tiền này trừ vào chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chổ là 6.525.000đ, còn lại 475.000đ đã hoàn trả ông

Trần Vĩnh T1. Do đó ông Trần Vĩnh T1 và bà Nguyễn Thảo V phải nộp tiếp 4.000.000đ để hoàn trả ông Đặng Vĩnh P do ông P đã nộp tạm ứng trước.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Tp Vĩnh Long;
- Chi cục THADS Tp Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu tổ HCTP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐẶNG VĂN LỘC